**Mẫu số 16A MẪU SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG NUÔI ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM,**

**ĐỘNG VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP THUỘC PHỤ LỤC CITES, ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG1**

**(Không áp dụng cho cơ sở nuôi sinh trưởng)**

1. Họ và tên của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi: ...............................................
2. Địa chỉ (gồm địa chỉ của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi và địa điểm nuôi):.
3. Tên tiếng phổ thông của loài nuôi:.......................................................................
4. Tên khoa học của loài nuôi: .................................................................................
5. Hình thức nuôi: □ Nuôi sinh sản □ Nuôi khác
6. Mã số cơ sở nuôi: ................................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngà y** | **Tổng số cá thể nuôi** | | | | **Cá thể bố mẹ** | | **Đàn giống hậu bị** | | **Số lượn** | **Số lượng cá thể trên 1 tuổi** | | | **Nhập cơ sở (mua, sinh sản ..vv)** | | | **Xuất cơ sở (bán, cho tặng, chết…)** | | | **Gh i ch ú** | **Xác nhận của Cơ** |
| **Tổng** | **Đực** | **Cái** | **Không xác định** | **Đự c** | **Cá i** | **Đự c** | **Cá i** | **g con dưới 1**  **tuổi** | **Đự c** | **Cá i** | **Khôn g xác định** | **Đự c** | **Cá i** | **Khôn g xác định** | **Đự c** | **Cá i** | **Khôn g xác định** | **quan Kiểm lâm/C ơ quan**  **thủy sản** |
|  | 2= | 3= | 4= | 5= |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 3+4+ | 6+8+11+1 | 7+9+12+1 | 10+13+1 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
|  | 5 | 4-17 | 5-18 | 6-19 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

1. Số liệu tại sổ, chủ nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng.
2. Cột số 11, 12 và 13 không bao gồm số cá thể ở đàn giống hậu bị, số cá thể bố mẹ.
3. Cột 21, cán bộ Kiểm lâm, cán bộ cơ quan thủy sản ký xác nhận khi kiểm tra các cơ sở nuôi động vật hoang dã.

1 Mỗi loài có 01 sổ theo dõi riêng